

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
NAGAKAWA VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung 04 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 02 năm 2011

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Khả	30.800.000.000	22,8
Ông Mai Thanh Phương	13.200.000.000	9,8
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	16.500.000.000	12,2
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	11.000.000.000	8,1
Các cổ đông khác	63.500.000.000	47,0
Cộng	135.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa	Khu 9 – phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại Hà Nội	Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	Lô A15, Điện Biên Phủ, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty CP Nagakawa Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	Số 16 Ngô Bệ, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất và mua bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Sản xuất và mua bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch	22 tháng 3 năm 2007
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch	22 tháng 3 năm 2007
Bà Đào Thị Soi	Thành viên	22 tháng 3 năm 2007
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên	22 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên	22 tháng 3 năm 2007

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Diệu Linh	Trưởng ban	22 tháng 3 năm 2007
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	22 tháng 3 năm 2007
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	22 tháng 3 năm 2007

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Thanh Phương	Tổng Giám đốc	03 tháng 4 năm 2009
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 3 năm 2007
Ông Vũ Minh Chính	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 1 năm 2010
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc	23 tháng 3 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

Ngày 08 tháng 08 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 316/2011/BCTC-KTTV- KT3

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 08 tháng 08 năm 2010, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

Lê Xuân Bách

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1305/KTV

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, đường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255.892.969.566	203.145.295.537
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	423.257.813	6.165.636.942
1. Tiền	111		423.257.813	6.165.636.942
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	3.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.387.981.122	68.422.230.954
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	85.822.544.235	56.785.844.308
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.406.458.262	12.423.328.864
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.015.558.625	69.637.782
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(856.580.000)	(856.580.000)
IV. Hàng tồn kho	140		137.364.039.869	110.477.566.862
1. Hàng tồn kho	141	V.6	137.364.039.869	110.477.566.862
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.717.690.762	15.079.860.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	545.972.049	988.459.122
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.375.053.741	7.171.880.850
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	19.796.664.972	6.919.520.807

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, đường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.317.131.317	67.900.958.417
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.074.718.992	53.458.945.044
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	50.043.656.271	53.429.423.986
<i>Nguyên giá</i>	222		87.675.927.861	86.764.557.134
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(37.632.271.590)	(33.335.133.148)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	31.062.721	29.521.058
<i>Nguyên giá</i>	228		150.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(119.899.879)	(104.441.542)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		53.922.502.930	14.022.508.774
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	9.600.000.000	9.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	5.040.000.000	5.040.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	40.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.14	(717.497.070)	(617.491.226)
V. Tài sản dài hạn khác	260		319.909.395	419.504.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	100.620.039	200.215.243
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	219.289.356	219.289.356
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		360.210.100.883	271.046.253.954

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, đường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		194.668.849.019	135.058.898.130
I. Nợ ngắn hạn	310		187.401.796.930	127.322.493.609
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	127.574.621.342	94.650.565.732
2. Phải trả người bán	312	V.18	31.858.303.662	9.302.222.589
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	20.726.276.549	17.094.369.788
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	5.722.359.574	4.174.879.956
5. Phải trả người lao động	315		604.336.540	1.189.074.800
6. Chi phí phải trả	316	V.21	336.259.116	537.577.881
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	488.717.114	282.879.830
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		90.923.033	90.923.033
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.267.052.089	7.736.404.521
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	4.848.085.564	4.848.085.564
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		144.437.762	144.437.762
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.24	2.274.528.763	2.743.881.195
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.541.251.864	135.987.355.824
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	165.541.251.864	135.987.355.824
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	110.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.420.000.000	12.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.000)	(20.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.955.874.625	2.955.874.625
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		544.719.321	544.719.321
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.620.677.918	10.486.781.878
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		360.210.100.883	271.046.253.954

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, đường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

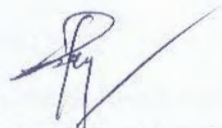
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		34,58	137,03
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Trần Văn Vương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, đường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	179.998.590.195	165.629.089.971
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.654.492.887	8.808.208.829
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	174.344.097.308	156.820.881.142
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	143.435.495.447	126.906.786.794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.908.601.861	29.914.094.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.250.538.243	269.579.520
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.889.005.255	8.205.363.846
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.333.606.468	4.142.487.381
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.526.638.706	5.913.999.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.118.894.274	6.434.033.532
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.624.601.869	9.630.276.926
11. Thu nhập khác	31	VI.7	183.614.120	103.141.628
12. Chi phí khác	32	VI.8	288.194.816	383.711.424
13. Lợi nhuận khác	40		(104.580.696)	(280.569.796)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.520.021.173	9.349.707.130
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	386.125.133	701.228.035
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.133.896.040</u>	<u>8.648.479.095</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>-</u>

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung



Tổng Giám đốc

Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, đường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.520.021.173	9.349.707.130
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.312.596.779	4.190.671.170
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	100.005.844	568.678.469
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.094.568.106)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12.333.606.468	4.142.487.381
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.171.662.158	18.251.544.150
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.902.619.912)	(24.616.933.014)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26.886.473.007)	(55.310.534.370)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		26.432.746.065	36.775.836.452
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		542.082.277	20.359.296
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12.165.767.295)	(4.088.622.777)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(300.815.092)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		935.639.761	117.372.953.439
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(120.432.969.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.173.545.045)	(32.028.366.585)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.021.207.800)	(1.089.886.354)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.13	(40.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	12.321.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.600.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		108.318.106	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.912.889.694)	1.631.113.646

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, đường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	25.420.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(20.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	138.435.356.091	116.671.254.045
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(105.511.300.481)	(97.125.001.468)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		58.344.055.610	19.546.232.577
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.742.379.129)	(10.851.020.362)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	6.165.636.942	20.147.216.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	423.257.813	9.296.196.552

Người lập biểu

Trần Văn Vương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung



Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Tổng Giám đốc

Mai Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** :
 - Sản xuất đồ điện dân dụng;
 - Sản xuất điều hòa không khí.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 225 nhân viên đang làm việc (cuối kỳ trước là 246 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trị giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được xem xét và trích lập vào thời điểm kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

8. Đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu đối với hàng gia dụng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm được thực hiện vào cuối năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ chưa được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Công ty không thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Việc đánh giá này sẽ được thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	114.443.197	1.395.545.077
Tiền gửi ngân hàng	308.814.616	4.770.091.865
Cộng	423.257.813	6.165.636.942

2. Phải thu khách hàng*Chi tiết theo đơn vị*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Văn phòng Công ty	44.254.342.130	13.333.704.899
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	28.231.012.589	27.727.061.750
Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng	6.073.647.362	2.857.457.985
Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh	7.263.542.154	12.867.619.674
Cộng	85.822.544.235	56.785.844.308

3. Trả trước cho người bán

Là số tiền trả trước cho người bán tại Văn phòng Công ty

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	1.986.250.000	43.750.000
Phải thu thuế nhập khẩu hải quan Hải Phòng	24.841.255	24.841.255
Các khoản phải thu khác	4.467.370	1.046.527
Cộng	2.015.558.625	69.637.782

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	44.004.103.652	22.072.118.052
Công cụ, dụng cụ	12.000.000	24.000.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.362.124.081	17.677.451.381
Thành phẩm	41.410.372.125	51.081.045.489
Hàng hóa	33.575.440.011	17.209.239.430
Hàng gửi đi bán	-	2.413.712.510
Cộng	137.364.039.869	110.477.566.862

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê văn phòng	253.311.185	258.016.040	438.821.882	72.505.343
Giá trị CCDC xuất dùng	231.635.241	100.316.075	167.497.093	164.454.223
Chi phí quảng cáo	-	663.261.100	381.297.217	281.963.883
Chi phí thuê kho	458.181.818	88.000.000	546.181.818	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	17.830.878	9.456.000	15.238.278	12.048.600
Chi phí bảo trì phần mềm	27.500.000	5.000.000	17.500.000	15.000.000
Cộng	988.459.122	1.124.049.215	1.566.536.288	545.972.049

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	18.273.912.806	4.461.128.880
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.522.752.166	2.458.391.927
Cộng	19.796.664.972	6.919.520.807

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	22.069.620.194	59.637.199.984	4.361.971.724	603.997.322	91.767.910	86.764.557.134
Tăng do mua sắm mới		658.858.000	239.240.909	13.271.818	-	911.370.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	22.069.620.194	60.296.057.984	4.601.212.633	617.269.140	91.767.910	87.675.927.861
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.154.928.987	24.337.251.228	2.290.796.458	477.093.710	75.062.765	33.335.133.148
Tăng do trích khấu hao	725.988.064	3.145.248.092	364.406.529	57.137.891	4.357.866	4.297.138.442
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.880.917.051	27.482.499.320	2.655.202.987	534.231.601	79.420.631	37.632.271.590
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.914.691.207	35.299.948.756	2.071.175.266	126.903.612	16.705.145	53.429.423.986
Số cuối kỳ	15.188.703.143	32.813.558.664	1.946.009.646	83.037.539	12.347.279	50.043.656.271

Một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải có nguyên giá và giá trị còn lại tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011 theo sổ sách là 25.329.434.539 VND và 12.453.147.584 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	133.962.600		133.962.600
Tăng trong kỳ do mua mới		17.000.000	17.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	133.962.600	17.000.000	150.962.600
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	104.441.542	-	104.441.542
Tăng do khấu hao	15.458.337	-	15.458.337
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	119.899.879	-	119.899.879
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	29.521.058	-	29.521.058
Số cuối kỳ	14.062.721	17.000.000	31.062.721

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa (a)	960.000	9.600.000.000	960.000	9.600.000.000
Cộng		9.600.000.000		9.600.000.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa số tiền 9.600.000.000 VND, tương đương 80% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa (a)	504.000	5.040.000.000	504.000	5.040.000.000
Cộng		5.040.000.000		5.040.000.000

(a) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa (Trước đây là Công ty Cổ phần Thế giới xanh Nagakawa) với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010 Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	92.130.565.732	2.520.000.000	94.650.565.732
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	138.435.356.091	-	138.435.356.091
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(103.866.379.867)	(1.644.920.614)	(105.511.300.481)
Số cuối kỳ	126.699.541.956	875.079.386	127.574.621.342

18. Phải trả người bán*Chi tiết theo đơn vị*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	31.775.333.204	9.232.773.704
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	49.093.000	59.093.000
Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng	33.877.458	10.355.885
Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh	-	-
Cộng	31.858.303.662	9.302.222.589

19. Người mua trả tiền trước*Chi tiết theo đơn vị*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	19.709.615.651	16.663.656.927
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	418.870.898	340.000.000
Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng	202.000.000	90.712.861
Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh	395.790.000	-
Cộng	20.726.276.549	17.094.369.788

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	930.008.007	2.743.924.705	3.458.808.058	215.124.654
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.006.231.837	8.195.020.874	8.323.466.488	877.786.223
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.882.394.553	5.069.622.251	2.690.920.761	4.261.096.043
Thuế nhập khẩu	199.811.652	1.492.278.632	1.567.078.795	125.011.489
Thuế thu nhập doanh nghiệp	156.182.427	386.125.133	300.815.092	241.492.468
Thuế thu nhập cá nhân	251.480	2.920.447	1.323.230	1.848.697
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	4.174.879.956	17.893.892.042	16.346.412.424	5.722.359.574

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

Điều hòa nhiệt độ	10%
Tủ cấp đông, máy giặt	10%
Vật tư khác	10%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

13. Đầu tư dài hạn khác

Là các khoản mà theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 09/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 01 năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất giao cho các thành viên Hội đồng quản trị gồm: Ông Nguyễn Đức Khả (Chủ tịch Hội đồng quản trị) và Ông Mai Thanh Phương (Tổng Giám đốc) được phép ứng một phần vốn để sử dụng vào việc đầu tư các dự án triển khai như: Đầu tư vào việc khai thác mỏ, Kinh doanh bất động sản (dự án nhà ở số 02 Gia Bình, dự án nhà ở tại nhà máy Phúc Yên) và Đầu tư tài chính.

Tổng giá trị ứng vốn: không quá 50% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Lãi suất: được tính bằng lãi suất bình quân 04 ngân hàng quốc doanh cộng với lãi biên không quá 8%/năm tại thời điểm ứng vốn.

Phương thức trả lãi: Trả lãi sau, định kỳ hàng năm.

Thời gian hoàn vốn: 03 năm.

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng khoản lỗ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	(617.491.226)
Tăng do trích lập trong kỳ	100.005.844
Số hoàn nhập trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>(717.497.070)</u>

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	56.039.462	-	35.985.511	20.053.951
Chi phí sửa chữa	93.352.761	-	20.479.329	72.873.432
Chi phí bảo hiểm	11.981.375	-	10.269.750	1.711.625
Chi phí quảng cáo	25.534.091	-	21.886.364	3.647.727
Chi phí khác	13.307.554	-	10.974.250	2.333.304
Cộng	<u>200.215.243</u>	-	<u>99.595.204</u>	<u>100.620.039</u>

16. Tài sản dài hạn khác

Là số dư ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	126.699.541.956	92.130.565.732
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Thanh Xuân	126.699.541.956	92.130.565.732
Nợ dài hạn đến hạn trả	875.079.386	2.520.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Thanh Xuân	875.079.386	2.520.000.000
Cộng	<u>127.574.621.342</u>	<u>94.650.565.732</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh bán máy điều hòa không khí công suất từ 90.000 BTU trở xuống với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 19121000057 ngày 26 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Công ty tiếp tục được hưởng các ưu đãi theo Giấy phép đầu tư số 24/GP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam. Theo đó thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Trong 12 năm đầu tiên kể từ khi dự án bắt đầu sản xuất kinh doanh thuế suất là 15%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo.

Năm 2011 là năm tài chính thứ 10 của dự án tính từ thời điểm dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép đầu tư số 24/GP-VP ngày 22/8/2002 và là năm tài chính thứ 6 Công ty có thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.520.021.173	9.349.707.130
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	628.313.937	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	628.313.937	-
Chi phí không hợp lệ	340.184.211	-
Vì phạm thuế, hải quan, bảo hiểm	288.129.726	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	5.148.335.110	9.349.707.130
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	772.250.267	1.402.456.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (50%)	(386.125.134)	(701.228.035)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	386.125.133	701.228.035

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Là chi phí phải trả tiền xây dựng nhà xưởng số 3, nhà điều hành, nhà trưng bày sản phẩm	-	369.157.938
Chi phí lãi vay phải trả	336.259.116	168.419.943
Cộng	336.259.116	537.577.881

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	146.315.488	46.384.796
Bảo hiểm y tế	89.158.895	16.153.263
Bảo hiểm thất nghiệp	42.371.243	9.554.549
Lợi nhuận còn lại của Công ty Liên doanh	96.918.688	96.918.688
Cổ tức năm 2007 còn phải trả cổ đông	93.052.800	93.052.800
Tiền thuế nhập khẩu Ông Lương Đức Bảo nộp hộ	-	20.815.734
Ông Ngô Văn Kiên	20.900.000	-
Cộng	<u>488.717.114</u>	<u>282.879.830</u>

23. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Thanh Xuân để thanh toán tiền mua khuôn sản xuất vỏ, dàn trao đổi nhiệt điều hòa không khí trung tâm loại 100.000 BTU, 120.000 BTU. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay (kỳ đầu tiên) 10,5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn rút vốn đến hết ngày 31/12/2009; khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.848.085.564
Trên 5 năm	-
Tổng nợ	<u>4.848.085.564</u>

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	4.848.085.564
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>4.848.085.564</u>

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ. Chi tiết phát sinh trong năm của khoản dự phòng phải trả dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.743.881.195
Tăng do trích lập trong kỳ	-
Số đã sử dụng trong kỳ	(469.352.432)
Số cuối kỳ	<u>2.274.528.763</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	12.000.000.000	-	877.159.441	296.950.805	12.388.425.829	125.562.536.075
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	10.000.000.000	-	-	-	-	(10.000.000.000)	-
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	(20.000)	-	-	-	(20.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	10.486.781.878	10.486.781.878
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.078.715.184	247.768.516	(2.388.425.829)	(61.942.129)
Số dư cuối năm trước	110.000.000.000	12.000.000.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	10.486.781.878	135.987.355.824
Số dư đầu năm nay	110.000.000.000	12.000.000.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	10.486.781.878	135.987.355.824
Vốn góp tăng trong kỳ	25.000.000.000	420.000.000	-	-	-	-	25.420.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	4.133.896.040	4.133.896.040
Số dư cuối kỳ	135.000.000.000	12.420.000.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	14.620.677.918	165.541.251.864

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Đức Khả	30.800.000.000	30.800.000.000
Ông Mai Thanh Phương	13.200.000.000	13.200.000.000
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	16.500.000.000	16.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	11.000.000.000	11.000.000.000
Các cổ đông khác	63.500.000.000	38.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	12.420.000.000	12.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	147.419.980.000	121.999.980.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	11.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.500.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.499.998	10.999.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.499.998	10.999.998

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng, thành phẩm và cung cấp dịch vụ*

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	179.998.590.195	165.629.089.971
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	178.768.325.892	164.633.618.701
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.230.264.303	995.471.270
Các khoản giảm trừ doanh thu:	5.654.492.887	8.808.208.829
Hàng bán bị trả lại	584.870.636	70.909.091
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.069.622.251	8.737.299.738
Doanh thu thuần	174.344.097.308	156.820.881.142

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	142.211.372.053	125.950.391.920
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.224.123.394	956.394.874
Cộng	143.435.495.447	126.906.786.794

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	22.276.440	230.153.148
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.751.983	-
Lãi cho vay	2.072.291.666	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	122.218.154	39.426.372
Cộng	2.250.538.243	269.579.520

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	12.333.606.468	4.142.487.381
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.455.392.943	3.494.197.996
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	100.005.844	568.678.469
Cộng	13.889.005.255	8.205.363.846

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	355.378.755	541.195.253
Chi phí vật liệu, bao bì	281.957.314	203.920.964
Chi phí bảo hành	561.923.935	146.785.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.385.436.729	2.745.596.317
Chi phí bằng tiền khác	1.901.367.428	2.276.501.348
Cộng	4.526.638.706	5.913.999.564

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.812.555.704	1.601.307.310
Chi phí đồ dùng văn phòng	201.320.674	185.241.553
Chi phí khấu hao TSCĐ	458.397.554	447.087.424
Thuế, phí và lệ phí	7.839.418	5.022.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.562.466.221	2.278.302.572
Chi phí bằng tiền khác	2.076.314.703	1.917.072.673
Cộng	10.118.894.274	6.434.033.532

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư linh kiện	-	89.131.300
Thu tiền bảo hiểm tai nạn xe ô tô	36.315.000	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.569.000	-
Thu tiền phạt vi phạm	-	13.528.203
Thu cho thuê xe	90.000.000	-
Thu cho thuê văn phòng	54.545.454	-
Thu nhập khác	184.666	482.125
Cộng	183.614.120	103.141.628

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị của vật tư linh kiện thanh lý	-	253.680.125
Xử lý hàng thiếu	-	106.647.581
Phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	524.326	883.718
Thuế bị phạt, bị truy thu	287.605.398	22.500.000
Chi phí khác	65.092	-
Cộng	288.194.816	383.711.424

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Doanh nghiệp không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	10.000.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Vay ngắn hạn	-	57.750.000.000
Ứng vốn thực hiện dự án	40.000.000.000	
Lãi ứng vốn	1.986.250.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	60.012.199.642	766.632.520
+ Số dư tạm ứng	18.025.949.642	
+ Ứng vốn thực hiện dự án	40.000.000.000	
+ Lãi ứng vốn	1.986.250.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	297.962.154	220.455.770

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển kỹ thuật Nagakawa		
Góp vốn điều lệ	-	9.600.000.000
Phải thu cho thuê xe	82.500.000	-
+ Giá trị chưa thuế	75.000.000	-
+ Thuế GTGT đầu ra	7.500.000	-
Phải thu tiền bán hàng	39.179.411.455	4.057.566.858
+ Giá trị chưa thuế	35.617.646.777	-
+ Thuế GTGT đầu ra	3.561.764.678	-
Thu tiền bán hàng	44.781.604.000	-
Bù trừ công nợ	1.346.535.733	-
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	32.745.068.972	1.732.595.000
+ Giá trị chưa thuế	29.768.244.520	-
+ Thuế GTGT đầu ra	2.976.824.452	-
Mua hàng hóa	-	1.107.701.000
Thu tiền bán hàng	17.547.000.000	-
Hàng bán bị trả lại	445.975.200	-
+ Giá trị chưa thuế	405.432.000	-
+ Thuế GTGT đầu ra	40.543.200	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa		
Doanh thu cho thuê văn phòng	60.000.000	54.545.454
+ Giá trị chưa thuế	54.545.454	-
+ Thuế GTGT đầu ra	5.454.546	-
Thu tiền cho thuê văn phòng	60.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Đầu tư và Phát triển kỹ thuật Nagakawa</i>	<i>16.172.531.439</i>	<i>23.038.759.717</i>
Phải thu tiền bán hàng	16.172.531.439	23.038.759.717
<i>Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ</i>	<i>20.796.490.890</i>	<i>6.044.397.118</i>
Phải thu tiền bán hàng	20.796.490.890	6.044.397.118
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa</i>	<i>-</i>	<i>3.043.750.000</i>
Phải thu gốc vay ngắn hạn		3.000.000.000
Phải thu tiền lãi vay có kỳ hạn		43.750.000
Cộng nợ phải thu	<u>36.969.022.329</u>	<u>32.126.906.835</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	149.176.232.224	11.083.918.171	14.083.946.913	-	174.344.097.308
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	96.535.374.528	277.180.000	-	(96.812.554.528)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.711.606.752	11.361.098.171	14.083.946.913	(96.812.554.528)	174.344.097.308
Chi phí bộ phận	229.453.139.914	7.528.344.033	8.952.913.963	(97.972.263.757)	147.962.134.153
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16.258.466.838	3.832.754.138	5.131.032.950	1.159.709.229	26.381.963.155
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(10.118.894.274)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					16.263.068.881
Doanh thu hoạt động tài chính					2.250.538.243
Chi phí tài chính					(13.889.005.255)
Thu nhập khác					183.614.120
Chi phí khác					(288.194.816)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(386.125.133)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.133.896.040

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>911.370.727</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>911.370.727</i>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>5.727.134.780</i>	<i>70.379.969</i>	<i>165.755.185</i>	<i>-</i>	<i>5.963.269.934</i>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	362.424.291.373	7.430.749.854	13.193.470.747	(22.838.411.091)	360.210.100.883
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng tài sản					360.210.100.883
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	207.427.774.242	4.213.134.902	8.710.935.402	(25.682.995.527)	194.668.849.019
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
Tổng nợ phải trả					194.668.849.019

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) tại Hà Nội và số liệu so sánh cùng kỳ năm trước được lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2011

Người lập biểu



Trần Văn Vương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Mai Thanh Phương

